UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 173/QĐ-SNN

Hưng Yên, ngày 10 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thực hiện nội dung "Điều tra, khảo sát chọn địa điểm nuôi cá lồng; thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng lồng nuôi cá trên sông thuộc Dự án phát triển nuôi cá lồng trên sông tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2019-2021

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: số 1159/QĐ-UBND ngày 10/6/2012 quy định nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; số 1854/QĐ-UBND ngày 12/11/2014 về việc phê duyệt Đề án "Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; số 2790/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 về việc phê duyệt Dự án phát triển nuôi cá lồng trên sông tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2019-2021;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-SNN ngày 30/01/2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Đề cương triển khai nội dung điều tra, khảo sát chọn địa điểm nuôi cá lồng thuộc Dự án phát triển nuôi cá lồng trên sông tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2019-2021; số 29/QĐ-SNN ngày 30/01/2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Đề cương thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng lồng nuôi cá trên sông thuộc Dự án phát triển nuôi cá lồng trên sông tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2019-2021; số 55/QĐ-SNN ngày 25/02/2019 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn điều tra, khảo sát chọn địa điểm nuôi cá lồng; thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng lồng nuôi cá trên sông thuộc Dự án phát triển nuôi cá lồng trên sông tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2019-2021;

Xét đề nghị của Chi cục Thủy sản tại Tờ trình số.06./TTr-CCTS ngày 10/05/2019 về việc phê duyệt kết quả thực hiện nội dung "Điều tra, khảo sát chọn địa điểm nuôi cá lồng; thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng lồng nuôi cá trên sông thuộc Dự án phát triển nuôi cá lồng trên sông tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2019-2021;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thực hiện nội dung "Điều tra, khảo sát chọn địa điểm nuôi cá lồng; thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng lồng nuôi cá trên sông thuộc Dự án phát triển nuôi cá lồng trên sông tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2019-2021" gồm các nội dung chính sau:

I. Địa điểm nuôi cá lồng trên sông tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2019-2021

1. Quy hoạch các điểm nuôi cá lồng trên sông tỉnh Hưng Yên

Trong giai đoạn 2019 -2021, quy hoạch các điểm (vị trí) phát triển nuôi cá lồng trên các con sông Hồng và sông Luộc chảy qua địa bàn tỉnh Hưng Yên với tổng số 22 điểm, trong đó: có 16 vị trị được quy hoạch trên sông Hồng và 06 vị trí được quy hoạch trên sông Luộc), các vị trí quy hoạch cụ thể như sau:

1.1. Huyện Văn Giang

Vị trí nuôi cá lồng/bè trên sông Hồng chảy quan địa bàn huyện Văn Giang được quy hoạch tại 02 vị trí, với tổng số lồng nuôi tối đa là 100 lồng; phạm vi các vị trí được quy hoạch cụ thể như sau:

- Vị trí 01: trên địa bàn xã Thắng Lợi (Ký hiệu trên bản đồ: VG01-QH), thuộc km đường sông Hồng số Km160 + 500 m đến Km161, có chiều dài 500 m và chiều rộng 30 m; số lượng lồng nuôi cá tối đa 50 lồng.

- Vị trí 02: trên địa bàn xã Mễ Sở (Ký hiệu trên bản đồ: VG02-QH), thuộc km đường sông Hồng số Km156 đến Km156 +500m, có chiều dài 500 m và chiều rộng 30 m; số lượng lồng nuôi cá tối đa 50 lồng.

1.2. Huyện Khoái Châu

Vị trí nuôi cá lồng/bè trên sông Hồng chảy quan địa bàn huyện Khoái Châu được quy hoạch tại 04 vị trí, với tổng số lồng nuôi tối đa là 240 lồng; phạm vi các vị trí được quy hoạch cụ thể như sau:

- Vị trí 01: trên địa bàn xã Bình Minh (Ký hiệu trên bản đồ: KC01-QH), thuộc phạm vị km đường Hồng số Km155 đến Km155 + 500 m, có chiều dài 500 m và chiều rộng 50 m; số lượng lồng nuôi tối đa 60 lồng.

- Vị trí 02: trên địa bàn xã Tứ Dân (Ký hiệu trên bản đồ: KC02-QH), thuộc phạm vị km đường sông Hồng số Km148 + 200 m đến Km149, có chiều dài 500 m và chiều rộng 50 m; số lượng lồng nuôi tối đa 60 lồng.

- Vị trí 03: trên địa bàn xã Đông Ninh (Ký hiệu trên bản đồ: KC03-QH), thuộc phạm vị km đường sông Hồng số Km143 +50 m đến Km143+ 550 m, có chiều dài 500 m và chiều rộng 50 m; số lượng lồng nuôi tối đa 60 lồng.

- Vị trí 04: trên địa bàn xã Chí Tân (Ký hiệu trên bản đồ: KC04-QH), thuộc phạm vị km đường sông Hồng số Km 138 đến Km139, vị trí nuôi có chiều dài 500 m và chiều rộng 50 m; số lượng lồng nuôi cá tối đa 60 lồng.

1.3. Huyện Kim Động

Vị trí nuôi cá lồng/bè trên sông Hồng chảy quan địa bàn huyện Kim Động được quy hoạch tại 04 vị trí, với tổng số lồng nuôi tối đa là 300 lồng; phạm vi các vị trí được quy hoạch cụ thể như sau:

- Vị trí 01: trên địa bàn xã Thọ Vinh, Phú Thịnh (Ký hiệu trên bản đồ là KD01-QH), thuộc km đường sông Hồng số Km129 + 600 m đến Km130 + 400 m, có chiều dài 800 m và chiều rộng 50 m; số lượng lồng nuôi cá tối đa 90 lồng.

- Vị trí 02: trên địa bàn xã Mai Động (Ký hiệu trên bản đồ là KD02-QH), thuộc km đường sông Hồng số Km125 đến Km 125 + 800 m, có chiều dài 800 m và chiều rộng 50 m; số lượng lồng nuôi tối đa 90 lồng.

- Vị trí 03: trên địa bàn thôn Vân Nghệ xã Mai Động (Ký hiệu trên bản đồ là KD03-QH), thuộc km đường sông Hồng số Km127 + 100 m đến Km 127 + 600 m, có chiều dài 500 m và chiều rộng 50 m; số lượng lồng nuôi được phép đặt tối đa 60 lồng.

- Vị trí 04: trên địa bàn xã Đức Hợp (Ký hiệu trên bản đồ là KD04-QH), thuộc km đường sông Hồng số Km124 + 800 m đến Km 125 + 300 m, có chiều dài 500 m và chiều rộng 50 m; số lượng lồng nuôi tối đa 60 lồng.

1.4. Thành phố Hưng Yên

Vị trí nuôi cá lồng/bè trên sông Hồng chảy quan địa bàn thành phố Hưng Yên được quy hoạch tại 06 vị trí, với số lượng lồng nuôi tối đa là 540 lồng; phạm vi các vị trí được quy hoạch cụ thể như sau:

- Vị trí 01: trên địa bàn xã Phú Cường và xã Hùng Cường (Ký hiệu trên bản đồ: TPHY01-QH, thuộc km đường sông Hồng số Km117 + 700 m đến Km118 + 700 m, có chiều dài 1.000 m và chiều rộng 50 m; số lượng lồng nuôi cá tối đa là 120 lồng.

- Vị trí 02: trên địa bàn phường Lam Sơn (Ký hiệu trên bản đồ: TPHY02-QH, thuộc km đường sông Hồng số Km116 + 300 m đến Km116 + 800 m, có chiều dài 500 m và chiều rộng 50 m; số lượng lồng nuôi tối đa 60 lồng.

- Vị trí 03: trên địa bàn phường Lam Sơn (Ký hiệu trên bản đồ: TPHY03-QH), thuộc km đường sông Hồng số Km115 + 200 m đến Km116 + 200 m, có chiều dài 1.000 m và chiều rộng 50 m; số lượng lồng nuôi tối đa 120 lồng.

- Vị trí 04: trên địa bàn phường Minh Khai (Ký hiệu trên bản đồ: TPHY04-QH), thuộc km đường sông Hồng số Km113 + 900 m đến Km114 + 900m, có chiều dài 800m và chiều rộng 50m; số lượng lồng nuôi tối đa 90 lồng.

- Vị trí 05: trên địa bàn xã Hoàng Hanh (Ký hiệu trên bản đồ: TPHY06-QH), thuộc km đường sông Hồng số Km104 + 500 m đến Km105, có chiều dài 500 m và chiều rộng 50 m; số lượng lồng nuôi tối đa 60 lồng.

- Vị trí 06: trên địa bàn xã Tân Hưng (Ký hiệu trên bản đồ: TPHY07-QH), thuộc km đường sông Hồng số Km101 + 800m đến Km102 + 300 m, có chiều dài 500 m và chiều rộng 50 m; số lượng lồng nuôi tối đa 60 lồng.

1.5. Huyện Tiên Lữ

Vị trí nuôi cá lồng/bè trên sông Luộc chảy quan địa bàn huyện Tiên Lữ được quy hoạch tại 03 vị trí, với tổng số lồng nuôi tối đa là 126 lồng; phạm vi các vị trí được quy hoạch cụ thể như sau:

- Vị trí 01: trên địa bàn xã Thụy Lôi (Ký hiệu trên bản đồ: TL01-QH), thuộc kKm đường sông Luộc số Km60 đến Km60 + 500 m; vị trí nuôi có chiều dài 500 m và chiều rộng 20 m, số lượng lồng nuôi cá tối đa 42 lồng.

- Vị trí 02: trên địa bàn xã Thụy Lôi và xã Cương Chính (Ký hiệu trên bản đồ: TL02-QH), thuộc km đường sông Luộc số Km57 + 500 m đến Km58, có chiều dài 500 m và chiều rộng 20 m; số lượng lồng nuôi cá tối đa 42 lồng.

- Vị trí 03: trên địa bàn xã Minh Phượng (Ký hiệu trên bản đồ: TL03-QH, thuộc km đường sông Luộc số Km55 + 500 m đến Km56, có chiều dài 500 m và chiều rộng 20 m, số lượng lồng nuôi cá tối đa 42 lồng.

1.6. Huyện Phù Cừ

Vị trí nuôi cá lồng/bè trên sông Luộc chảy quan địa bàn huyện Phù Cừ được quy hoạch tại 03 vị trí, với tổng số lồng nuôi tối đa là 126 lồng; phạm vi các vị trí được quy hoạch cụ thể như sau:

- Vị trí 01: trên địa bàn xã Tống Trân (Ký hiệu trên bản đồ: PC01-QH), thuộc km đường sông Luộc số Km51 đến Km51 + 500 m, có chiều dài 500 m và chiều rộng 20 m; số lượng lồng nuôi cá tối đa 42 lồng.

- Vị trí 02: trên địa bàn xã Tống Trân (Ký hiệu trên bản đồ: PC02-QH), thuộc km đường sông Luộc số Km48 + 200 m đến Km48 + 700 m, có chiều dài 500 m và chiều rộng 20 m; số lượng lồng nuôi cá tối đa 42 lồng.

- Vị trí 03: trên địa bàn xã Nguyên Hòa (Ký hiệu trên bản đồ: PC03-QH), thuộc km đường sông Luộc số Km45 + 500 m đến Km46, có chiều dài 500 m và chiều rộng 20 m; số lượng lồng nuôi cá tối đa 42 lồng.

(Vị trí quy hoạch phát triển nuôi cá lồng trên sông tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2019- 2020 chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)

2. Một số quy định khi đặt lồng, bè nuôi cá trên sông tỉnh Hưng Yên

- Vị trí đặt lồng phải nằm trong các vị trí đã được quy hoạch và được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền.

- Đáy lồng đặt cách đáy sông ít nhất 1m vào lúc mức nước thấp nhất.

- Đặt lồng thành từng cụm, mỗi cụm lồng (bè) có từ 10-15 lồng, với lồng nuôi có kích thước 6m x9m x3m (tương đương 162m^3/lồng) hoặc 6m x6m x3m (tương đương 108m^3/lồng): khoảng cách giữa các lồng trong cụm theo chiều dài từ 0,3 - 0,5 m theo chiều ngang từ 1,0 - 1,5 m; khoảng cách giữa các cụm lồng từ 10 - 15 m, khi đặt so le, nối tiếp cách nhau tối thiểu 200 m.

- Khi đặt lồng, bè nuôi cá lồng trên sông phải cách luồng đường thủy nội địa từ 20 m (tính từ mép luồng trở ra); cách chân đê 20 m và cách kè bảo vệ đê, cống qua đê được giới hạn từ phần xây đúc cuối cùng của kè bảo vệ đê, cống qua đê trở ra 50 m.

- Mật độ lồng/bè ở khu vực nước chảy chiếm tối đa 0,2% diện tích mặt nước lúc mức nước thấp nhất; khu vực nước tĩnh chiếm tối đa 0,05% diện tích mặt nước lúc mức nước thấp nhất.

II. Mẫu thiết kế lồng, bè nuôi cá trên sông tỉnh Hưng Yên

1. Cấu tạo lồng, cụm lồng (bè) nuôi cá trên sông

Cấu tạo lồng: lồng nuội có kích thước 6m x 6m x 3m (tương ứng 108 m^3/lồng) hoặc 6m x 9m x 3m (tương ứng 162 m^3/lồng), bao gồm: Khung lồng, lưới lồng, hệ thống phao nâng lồng, hệ thống neo lồng.

Cấu tạo cụm lồng (bè): gồm nhiều lồng nuôi được ghép với nhau; mỗi một cụm lồng (bè) nuôi gồm 2-3 dãy, mỗi dãy có 5-7 lồng tạo thành một cụm lồng/bè với số lượng lồng từ 10–15 ô lồng. Trên mỗi cụm lồng (bè) nuôi cá có các công trình phụ trợ và đường đi trên cụm lồng (bè).

- Khung lồng: là kết cấu cơ bản của lồng nuôi, khung lồng có dạng hình vuông hoặc khung chữ nhật có kích thước 6m x9m x3m hoặc 6m x6m x3m. Vật liệu phù hợp đối với khung lồng là ống thép mạ kẽm chống gỉ sét, sử dụng các ống thép từ Φ 34 đến Φ 60 mm (khung đảm bảo chắc, khỏe, độ bền khoảng 5 năm trở lên).

- Lưới lồng: gồm 02 lớp lưới bao quanh và lưới đáy lồng được làm bằng sợi cước Polyetylen (PE). Đáy lưới lồng được cố định dây giềng nối với các cục chì. Lưới lồng có 2 lớp: lớp ngoài cùng mắt thưa (2a = 2cm), được dùng trong suốt vụ nuôi; lớp thứ 2 cỡ mắt lưới 2a = 0,8cm, sử dụng khi cá có kích cỡ < 40 gam/con; mặt trong cùng của lồng, sử dụng 1 tấm lưới mắt dày cỡ 2a ≤ 1mm, bán kính lưới 3cm để căng xung quanh phần ngập nước phía trên lồng, có tác dụng ngăn không cho cá ra ngoài.

- Hệ thống phao nâng lồng: Sử dụng các thùng phuy nhựa 200 lít và được cố định với khung lồng bằng dây thép hoặc bằng đai INOX kích thước bản 2cm dày 1mm, bố trí mỗi phao 03 đai (có thể dùng các liên kết khác nhưng phải đảm bảo an toàn và thẩm mỹ). Số lượng phụ thuộc vào trọng lượng của lồng (thường 8-10 phuy/lồng) đảm bảo nước ngập từ 4/5 chiều cao của lồng (khoảng không ngập nước từ 20 - 30cm). Hệ thống phao nâng lồng có tác dụng nâng phần mặt trên của lồng lên khỏi mặt nước 0,3m.

- Hệ thống neo đậu lồng: Dùng dây sắt, dây dù vv... có chất lượng tốt, chắc chắn không ảnh hưởng đến môi trường; sử dụng dây neo cố định với 4 góc khung lồng cố định lồng với các neo trụ ở trên bờ.

- Lối đi trên cụm lồng: Lối đi rộng 1,0 - 1,5 m, được làm chắc chắn để tiện đi lại và đủ rộng để vận chuyển thức ăn, giống và thu hoạch cá từ lồng nuôi. Lối đi được hình thành trên cơ sở ghép 2 lồng lại (phần khung lồng của 2 lồng kế nhau) sẽ là đường đi trên lồng; phía trên khung lồng sẽ được gia cố bằng lá thép có kích cỡ bề rộng 30 mm, dày 5mm; các lá thép ghép lại cách nhau 50 mm cố định trên các thanh nan trục cách nhau 500 mm.

- Công trình phụ trợ: Trên cum lồng/bè nuôi cá bố trí 01 nhà để quản lý, có diện tích bằng một ô lồng (diện tích từ 36-54m^2), được hàn cố định trên khung lồng nuôi cá; khung nhà bằng ống thép, tường bưng xung quanh và mái lợp bằng tôn sóng PU. Trong nhà được bố trí thành các khu: (i) khu ăn nghỉ, sinh hoạt và làm việc, (ii) kho chứa thức ăn, nguyên liệu làm thức ăn và thiết bị dụng cụ nuôi cá lồng; (iii) khu vệ sinh và các công trình, thiết bị khác:

+ Khu ăn nghỉ, sinh hoạt và làm việc phải sạch sẽ, không ảnh hưởng đến hoạt động nuôi.

+ Kho chứa thức ăn, nguyên liệu làm thức ăn và thiết bị dụng cụ nuôi cá lồng phải thông thoáng, không ẩm ướt, ngăn được côn trùng và động vật gây hại. Khu chứa xăng, dầu được bố trí riêng biệt với kho chứa thức ăn, nguyên liệu làm thức ăn. Khu vực chứa dụng cụ, thiết bị phải gọn gàng không ảnh hưởng đến hoạt động nuôi.

+ Nhà vệ sinh: bố trí nhà vệ sinh phù hợp với số lượng lao động trên lồng/bè (ít nhất 01 nhà vệ sinh cho 25 người), kín và tự hoại, đảm bảo không có mối nguy làm ô nhiễm môi trường và khu vực nuôi.

- Đường dẫn lên, xuồng lồng nuôi : 01 đường dẫn lên, xuống lồng nuôi, mặt đường dốc xuống phía lồng, rộng trung bình 1-1,5m, vật liệu làm bằng khung sắt; bảo đảm không cao hơn mức nước báo động 2.

- Thiết bị: gồm 01 bồn chứa nước sinh hoạt 3 – 5 m^3: sử dụng bồn nước inox hoặc bằng nhựa và hệ thống đường điện trên giàn lồng.

- Ngoài ra, cần thiết phải thiết kế một ô lồng hình tam giác, phía đỉnh cụm lồng, tam giác hướng về phía dòng chảy, và được đặt trước cụm lồng; dùng lưới làm bằng sắt không gỉ hoặc inox phía ngoài để không ảnh hưởng đến dòng chảy, độ cao của lồng khoảng 2m, có thể di chuyển xung quanh cụm lồng.

2. Yêu cầu vật liệu làm lồng, bè và dụng cụ trong quá trình nuôi

- Vật liệu làm lồng, bè nuôi được làm bằng vật liệu chắc chắn, bền, có khả năng chống chịu với môi trường nước, sóng, gió và chất khử trùng tiêu độc.

- Các liên kết giữa các lồng, neo đậu lồng phải đảm bảo chịu lực, an toàn (đặc biệt trong mùa mưa lũ, bão), đảo bảo thiết kế lồng nuôi đảm bảo chịu được sức gió từ cấp 8 – cấp 10 và lưu tốc dòng chảy (kể cả khi các thủy điện xả lũ) từ 1,0 – 1,5 m/s.

- Dụng cụ, thiết bị sử dụng trong quá trình nuôi phải đảm bảo không gây tổn hại cho đối tượng nuôi, dễ làm vệ sinh tiêu độc, khử trùng.

- Động cơ và thiết bị máy móc sử dụng phải đảm bảo không rò rỉ xăng, dầu vào nguồn nước.

III. Một số giải phát thực hiện dự án

1. Giải pháp về cơ chế, chính sách

a) Tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách Chính phủ đã ban hành về đầu tư, tín dụng, hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư phát triển nuôi cá lồng trên sông trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Thực hiện cơ chế, chính sách theo Quyết định số 1854/QĐ-UBND ngày 12/11/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án "Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Nghị quyết số 06/NQ-TU ngày 27/6/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII về Chương trình phát triển nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa giá trị gia tăng cao, bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030;

- Thực hiện chính sach hỗ trợ 30% kinh phí xây dựng lồng (tối đa không quá 15 triệu đồng/lồng) theo Quyết định số 2790/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt dự án phát triển nuôi cá lồng trên sông tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2019-2021.

b) Chính sách sử dụng đất, mặt nước phát triển nuôi cá lồng

- Triển khai thực hiện tốt công tác cấp giấy chứng nhận giao hoặc cho thuê ổn định lâu dài đất, mặt nước cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đủ điều kiện đầu tư phát triển nuôi cá lồng theo đúng quy hoạch. Việc cấp giấy chứng nhận giao, cho thuê đất, mặt nước phát triển nuôi cá lồng phải tuân thủ theo đúng quy định pháp luật, bao gồm: Luật Đất đai, luật Thủy sản, luật Đê điều, luật giao thông Đường thủy nội địa, luật Bảo vệ Môi trường và các quy phạm dưới luật có liên quan.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong việc tiếp nhận hồ sơ và cấp phép nuôi cá lồng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, với mục tiêu cơ bản là "Cải cách thủ tục hành chính nhằm bảo đảm tính pháp lý, hiệu quả, minh bạch và công bằng trong khi giải quyết công việc hành chính. Triển khai thực hiện cải cách thủ tục hành chính cấp phép cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nuôi cá lồng theo cơ chế "một cửa", tăng cường trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp trong việc chỉ đạo triển khai thực hiện, lựa chọn, bố trí cán bộ, kiểm tra chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ cho người dân và tổ chức thông qua bộ phận "một cửa".

c) Điều chỉnh, bổ sung hoặc xây dựng mới một số cơ chế, chính sách ưu đãi để thu hút đầu tư phát triển nuôi cá lồng của tỉnh Hưng Yên theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

d) Nghiên cứu, xây dựng văn bản hướng dẫn liên quan đến việc triển khai thực hiện các quy định nuôi cá lồng trên sông; các cơ chế, chính sách liên quan đến việc giao, cho thuê đất, mặt nước và thủ tục cấp phép cho cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nuôi cá lồng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Giải pháp đào tạo, tập huấn kỹ thuật

- Hỗ trợ đào tạo, tập huấn kỹ thuật cho lao động nuôi cá lồng; đảm bảo 100% số lao động nuôi cá lồng được đào tạo, tập huấn kỹ thuật nuôi cá lồng.

- Đa dạng các hình thức đào tạo phù hợp với trình độ, tập quán của người dân, để người dân tiếp cận tốt với tiến bộ kỹ thuật, phát triển nuôi cá lồng ổn định, bền vững.

- Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ quản lý các địa phương và người nuôi về những tiến bộ khoa học kỹ thuật, kiến thức về sử dụng thức ăn, phòng ngừa dịch bệnh và bảo vệ môi trường vùng nuôi lồng bè.

- Tổ chức biên soạn và in quyển sổ tay kỹ thuật nuôi cá lồng trên sông phát cho các hộ dân trong tỉnh học tập.

3. Giải pháp quản lý môi trường và phòng trừ dịch bệnh

- Kiểm soát, phòng ngừa và hạn chế gia tăng ô nhiễm môi trường trong thực hiện nuôi cá lồng trên sông; người nuôi thực hiện các cam kết bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành, trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Phân công trách nhiệm quản lý giữa các cơ quan chức năng trong việc chỉ đạo, giám sát các hoạt động bảo vệ môi trường; tăng cường kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi gây ô nhiễm môi trường.

- Cơ quan quản lý nhà nước tăng cường công tác chỉ đạo lịch thời vụ đối với từng đối tượng và vùng nuôi. Tổ chức đào tạo, tập huấn, phổ biến kỹ thuật nuôi và các biện pháp phòng, trị bệnh trên các đối tượng nuôi. Áp dụng Quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (VietGAP).

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra và kiểm dịch giống thủy sản. Thực hiện tốt các biện pháp phòng chống và quản lý dịch bệnh; thực hiện định kỳ quan trắc và cảnh báo môi trường ven sông, thông báo kịp thời cho người nuôi cá về diễn biến của môi trường để có phương án thu hoạch, bảo vệ cá nuôi cho phù hợp.

4. Giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu

- Thực hiện tốt các biện pháp ứng phó và thích ứng với biến đổi khí hậu như: xây dựng các tài liệu và đào tạo, hướng dẫn người nuôi lồng bè chủ động phòng ngừa và khắc phục những rủi ro do tác động của biến đổi khí hậu. Thông báo kịp thời diễn biến của lũ lụt, bão, thiên tai và các thủy điện xả lũ để các cơ sở nuôi cá lồng gia cố, bảo vệ cơ sở sản xuất nuôi cá lồng và kịp thời di chuyển người và tài sản đến nơi an toàn.

- Nghiên cứu cải tiến những công nghệ nuôi, lựa chọn đối tượng nuôi mới, công nghệ lồng nuôi phù hợp với sự biến đổi khí hậu.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng, lồng bè nuôi cá trên sông có tính đến mực nước biển dâng và bão và thiên tai xảy ra; xây dựng hệ thống phòng tránh bão, lũ cho lồng/bè nuôi cá.

5. Giải pháp cơ sở hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ phát triển nuôi cá lồng

- Việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ phát triển nuôi cá lồng trước tiên cần tập trung đầu tư vào: (i) Đầu tư phát triển xây dựng cơ sở hạ

tầng các khu nuôi cá lồng tập trung: Hệ thống phao, biển báo, đèn hiệu và bến, bãi; hệ thống trụ cột, dây neo cố định cụm lồng, bè nuôi cá trên sông; Hệ thống giao thông liên kết các vùng nuôi cá lồng tập trung; các khu đảm bảo an toàn cho người, công trình khi lũ lụt, bão và thiên tai xảy ra; (ii) Dự án đầu tư hạ tầng cơ sở cho sản xuất giống, thức ăn và các ngành dịch vụ phát triển nuôi cá lồng; (iii) Xây dựng thương hiệu và xúc tiến thương mại phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm; (iv) Dự án đầu tư phát triển nguồn nhân lực nuôi cá lồng và dự án về nghiên cứu khoa học công nghệ hỗ trợ phát triển nuôi cá lồng.

- Tập trung, ưu tiên các nguồn lực đầu tư, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng nuôi cá lồng đồng bộ, gắn kết với các ngành công nghiệp phụ trợ, dịch vụ phát triển nuôi cá lồng, nhằm thúc đẩy tăng trưởng, nâng cao hiệu quả sản xuất nghề nuôi cá lồng trên sông.

- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực thủy sản (thiết bị kiểm tra dịch bệnh, quan trắc môi trường, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn,...).

6. Giải pháp thị trường tiêu thụ

- Tăng cường công tác thông tin về thị trường, hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật trong thu hoạch, bảo quản sau thu hoạch đảm bảo an toàn thực phẩm; hỗ trợ các đơn vị xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm cá lồng của tỉnh; xây dựng và đăng ký nhãn hiệu tập thể sản phẩm cá lồng Hưng Yên.

- Nghiên cứu phân tích nhu cầu thị trường, cung cấp thông tin thị trường cho người sản xuất, các doanh nghiệp, người tiêu dùng và cơ quan quản lý, để định hướng phát triển nghề nuôi cá lồng theo dự báo và nhu cầu thị trường.

- Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm trực tiếp từ người sản xuất đến người tiêu dùng để giảm khâu trung gian. Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại cho các sản phẩm cá lồng ở các thị trường trọng điểm.

7. Giải pháp tổ chức sản xuất

- Tổ chức lại sản xuất theo hướng đa dạng hóa mô hình tổ chức sản xuất, khuyến khích các mô hình liên kết, liên doanh giữa người sản xuất nguyên liệu, với các nhà chế biến, tiêu thụ sản phẩm, các nhà đầu tư, tín dụng... theo chuỗi giá trị sản phẩm.

- Tăng cường vai trò của cộng đồng trong tổ chức quản lý sản xuất, chú trọng các mô hình kinh tế hợp tác, các hội, hiệp hội ngành nghề nhằm bảo vệ quyền lợi của người nuôi, giúp đỡ nhau trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và đồng thời góp phần hỗ trợ công tác quản lý nhà nước đối với nghề nuôi cá lồng ở địa phương.

- Tổ chức quản lý phát triển nuôi cá lồng gắn kết chặt chẽ với các hoạt động trong ngành nông nghiệp và các ngành kinh tế khác, đặc biệt là các lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa, đê điều, du lịch...bảo đảm phát triển bền vững hài hòa lợi ích của các lĩnh vực, các ngành trong nền kinh tế.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động nuôi cá lồng trên sông; thực hiện việc thanh tra và xử phạt khi phát hiện các cơ sở nuôi cá lồng có hành vi vi phạm pháp luật.

8. Giải pháp vốn đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện dự án được huy động từ nhiều nguồn: Ngân sách nhà nước, vốn của các thành phần kinh tế khác. Trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước: Hỗ trợ kinh phí xây dựng lồng bè, hỗ trợ đào tạo tập huấn; in ấn tài liệu; hội nghị thăm quan đầu bờ phổ biến kỹ thuật; thực hiện các mô hình sản xuất nuôi cá lồng; đầu tư cơ sở hạ tầng và công tác ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ trong nuôi cá lồng.

- Nguồn vốn khác (doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân): Đầu tư trực tiếp vào làm lồng/bè nuôi cá, chi phí mua con giống, thức ăn, các chế phẩm sinh học và thuốc phòng trị bệnh cá; kho chứa thức ăn, nguyên liệu làm thức ăn; các công trình và thiết bị phụ trợ cho nuôi cá lồng và chi phí nhân công lao động.

Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn đầu tư của Trung ương với các nguồn vốn ngân sách địa phương; lồng ghép các chương trình, dự án của ngành giao thông đường thủy nội địa và các ngành liên quan trong việc triển khai các dự án đầu tư hệ thống phao tiêu, đèn báo khu vực nuôi, hệ thống neo lồng bè; cải tạo luồng tuyến, công trình phòng, chống lụt, bão.

Điều 2. Tổ chức thực hiện dự án

1. Chi cục Thủy sản

- Chủ trì thực hiện các nội dung của dự án; phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức công bố công khai các vị trí nuôi cá lồng; triển khai và giám sát việc thực hiện phát triển nuôi cá lồng tại các điểm đã quy hoạch theo đúng quy định pháp luật;

- Hướng dẫn, phối hợp với các huyện/thành phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên sắp xếp lại các vị trí nuôi cá lồng theo các điểm được quy hoạch.

- Tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách và dự án phát triển nuôi cá lồng trên song tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2019-2021. Đề xuất bổ sung, điều chỉnh các vị trí quy hoạch cho phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hưng Yên trong từng thời kỳ.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành về các văn bản hướng dẫn chi tiết thực hiện các quy định của pháp luật, cấp giấy phép cho các cơ sở có đủ điều kiện nuôi cá lồng trên sông theo các vị trí được quy hoạch; xây dựng các cơ chế, chính sách để thúc đẩy phát triển nghề nuôi cá lồng.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân về công tác đăng ký nuôi cá lồng trên sông và thực hiện thiết kế lồng theo các mẫu quy định;

- Phối hợp với các cơ quan hướng dẫn các tổ chức, cá nhân và các đơn vị liên quan về việc thực hiện các quy định của nhà nước về nuôi cá lồng trên sông.

2. Chi cục Quản lý đê điều và phòng chống lụt bão

- Phối hợp với các đơn vị liên quan để xem xét cấp phép đối với các hoạt động nuôi cá lồng có liên quan đến đê và hành lang bảo vệ đê trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Tổ chức hướng dẫn chi tiết các địa phương, các cơ sở nuôi cá lồng về hành lang bảo vệ công trình đê, kè; hướng dẫn các cơ sở nuôi cá lông thực hiện các quy định, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực đê điều.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra các đơn vị nuôi cá lồng trong việc việc thực hiện pháp luật về đê điều; phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xử lý hành vi vi phạm pháp luật đối với đê điều theo quy định.

3. Công ty Cổ phần quản lý đường sông số 2 Hưng Yên, Công ty Cổ phần quản lý đường sông số 6 Hà Nội

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc xác định phạm vi hành lang bảo vệ luồng, kè, đập giao thông để cắm mốc chỉ giới trên tuyến đường thủy nội địa thuộc địa bàn tỉnh; hướng dẫn, cắm mốc chỉ dẫn, phao tiêu, biển báo, hệ thống báo hiệu, tín hiệu, neo cố định lồng trên sông; đảm bảo việc tổ chức thực hiện nuôi cá lồng mang lại hiệu quả cao và theo đúng quy định.

- Thực hiện việc kiểm tra giám sát chuyên ngành về bảo vệ đường thủy nội địa; phối hợp với các cơ quan hữu quan tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa; hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ, cơ chế quản lý đường thủy nội địa cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia nuôi cá lồng trên sông, để đảm bảo việc nuôi cá lồng trên sông không ảnh hưởng đến hành lang an toàn giao thông đường thủy nội địa.

4. Ủy ban dân các huyện, thành phố

- Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai và tổ chức các nội dung của dự án tại địa phương và lựa chọn các hộ tham gia dự án; hướng dẫn các cơ sở nuôi cá lồng về công tác đăng ký nuôi cá lồng trên sông theo các điểm đã quy hoạch.

- Phối hợp với các cơ quan hướng dẫn các tổ chức, cá nhân và các đơn vị liên quan về việc thực hiện các quy định của nhà nước về nuôi cá lồng trên sông.

- Chỉ đạo Uỷ ban nhân dân cấp xã/phường tăng cường công tác quản lý nhà nước về phát triển nuôi cá lồng trên sông theo thẩm quyền quy định; đảm bảo an ninh, trật tự tại các khu có hoạt động nuôi cá lồng trên sông.

5. Tổ chức, cá nhân tham gia nuôi cá lồng trên sông tỉnh Hưng Yên

- Các tổ chức, cá nhân trước khi tiến hành nuôi cá lồng trên sông phải lập Hồ sơ đăng ký giao, thuê mặt nước phát triển nuôi cá lồng trên sông theo quy

định và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mới được triển khai thực hiện;

- Sử dụng đúng mục đích, đúng diện tích vùng mặt nước nuôi cá lồng được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép; thực hiện thiết kế lồng theo các mẫu quy định.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động nuôi cá lồng trên sông, chất lượng; chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình nuôi cá lồng trên sông;

- Các tổ chức, cá nhân nuôi cá lồng trên sông phải thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đã cam kết và đảm bảo xử lý các chất thải theo tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường hiện hành. Có bảng nội quy quy định việc thu gom và xử lý các chất xả thải đúng quy định.

- Tuyệt đối không xả trực tiếp xác động vật thủy sản ra ngoài môi trường tự nhiên. Có trách nhiệm báo cáo thường xuyên, kịp thời về tình hình ô nhiễm môi trường cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

- Tổ chức, cá nhân được giao cho thuê mặt nước để nuôi cá lồng trên sông phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định hiện hành;

- Lưu giữ hồ sơ về giống thủy sản, thức ăn, thuốc thú y thủy sản và sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản dùng trong quá trình nuôi cá lồng trên sông và các tài liệu khác về toàn bộ quá trình nuôi để bảo đảm truy xuất nguồn gốc;

- Khi có thiên tai, dịch bệnh xảy ra, phải phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng trong công tác kê khai, phản ánh trung thực tình hình nuôi cá lồng để có biện pháp xử lý phù hợp, hạn chế thiệt hại;

- Trả lại toàn bộ diện tích mặt nước nuôi cá lồng đã được giao khi có quyết định thu hồi theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố: Văn Giang, Khoái Châu, Kim Động, Tiên Lữ, Phù Cừ, thành phố Hưng Yên; các cơ quan, đơn vị liên quan; Chi cục Thủy sản căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để t/hiện);
- Chủ tịch, các phó Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở NN&PTNT;
- Lưu: VT, HSDA.

GIÁM ĐỐC

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Đỗ Minh Tuân

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 473../QĐ-SNN ngày 10../5/2019)

PHỤ LỤC 01: Vị trí các điểm quy hoạch phát triển nuôi cá lồng trên sông tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2019-2021

TT	Tên địa danh	Tên sông	Ký hiệu trên bản đồ	Phạm vi các vị trí quy hoạch đặt lồng/bè			Số lồng nuôi tối đa (lồng)
				Km đường sông	Chiều dài	Chiều rộng	
I	**Huyện Văn Giang**						**100**
1	Xã Thắng Lợi	Sông Hồng	VG01-QH	Km160+500m - Km161	500 m	30 m	50
2	Xã Mễ Sở	Sông Hồng	VG02-QH	Km156 - Km156+500m	500 m	30 m	50
II	**Huyện Khoái Châu**						**240**
1	Xã Bình Minh	Sông Hồng	KC01-QH	Km155 - Km155+500m	500 m	50 m	60
2	Xã Tứ Dân	Sông Hồng	KC02-QH	Km148+500m - Km149	500 m	50 m	60
3	Xã Đông Ninh	Sông Hồng	KC03-QH	Km143+50m - Km143+550m	500 m	50 m	60
4	Xã Chí Tân	Sông Hồng	KC04-QH	Km138+500m - Km139	500 m	50 m	60
III	**Huyện Kim Động**						**300**
1	Xã: Thọ Vinh, Phú Thịnh	Sông Hồng	KD01-QH	Km129+600m - Km130+400m	800 m	50 m	90
2	Xã Mai Động	Sông Hồng	KD02-QH	Km125 m - Km 125+800m	800 m	50 m	90
3	Thôn Vân Nghệ, xã Mai Động	Sông Hồng	KD03-QH	Km127+100m - Km 127+600m	500 m	50 m	60
4	Xã Đức Hợp	Sông Hồng	KD04-QH	Km124+800m - Km 125+300m	500 m	50 m	60

TT	Tên địa danh	Tên sông	Ký hiệu trên bản đồ	Phạm vi các vị trí quy hoạch đặt lồng/bè			Số lồng nuôi tối đa (lồng)
				Km đường sông	Chiều dài	Chiều rộng	
IV	**Thành phố Hưng Yên**						**540**
1	Xã: Phú Cường, Hùng Cường	Sông Hồng	TPHY01-QH	Km117+700m - Km118+700m	1.000 m	50 m	120
2	Phường Lam Sơn	Sông Hồng	TPHY02-QH	Km116+300m - Km116+800m	500 m	50 m	60
3	Phường Lam Sơn	Sông Hồng	TPHY03-QH	Km115+200m - Km116+200m	1.000 m	50 m	120
4	Phường: Minh Khai, Hồng Châu	Sông Hồng	TPHY05-QH	Km113+900m - Km114+900m	1.000 m	50 m	120
5	Xã Hoàng Hanh	Sông Hồng	TPHY06-QH	Km104+500m - Km105	500 m	50 m	60
6	Xã Tân Hưng	Sông Hồng	TPHY07-QH	Km101+800m - Km102+300m	500 m	50 m	60
IV	**Huyện Tiên Lữ**						**126**
1	Xã Thụy Lôi	Sông Luộc	TL01-QH	Km60 - Km60+500m	500 m	20 m	42
2	Xã Thụy Lôi, Cương Chính	Sông Luộc	TL02-QH	Km57+500m - Km58	500 m	20 m	42
3	Xã Minh Phượng	Sông Luộc	TL03-QH	Km55+500m - Km56	500 m	20 m	42
V	**Huyện Phù Cừ**						**126**
1	Xã Tống Trân	Sông Luộc	PC01-QH	Km51 - Km51+500m	500 m	20 m	42
2	Xã Tống Trân	Sông Luộc	PC02-QH	Km48+200m - Km48+700m	500 m	20 m	42
3	Xã Nguyên Hòa	Sông Luộc	PC03-QH	Km45+500m - Km46	500 m	20 m	42